

PHÁP LUẬT THUẾ

NĂM 2022

(Một số lưu ý)

**NỘI
DUNG**

I- Thuế TNDN:

Doanh thu - Chi phí

**II- Khai quyết toán thuế
TNDN**

**III- Giảm thuế GTGT, Chính
sách khác**

I- Thuế TNDN: Doanh thu

***Nghị định
218/2013***

Thời điểm xác định doanh thu thuế TNDN

Từ ngày 01/9/2014 trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thì *thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế đối với hoạt động xuất khẩu là ngày xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan, trong đó áp dụng cho cả mục đích tính thuế TNDN.*

I- Thuế TNDN: Chi phí

*Nghị định
15/2022*

1. Chi ủng hộ, tài trợ cho hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 **tại Việt Nam**

- Được trừ chi phí kỳ thuế TNDN: **2022**
- Khoản chi bằng **tiền hoặc hiện vật**
- Hồ sơ: **Biên bản xác nhận theo mẫu tại Nghị định này hoặc Văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận** có chữ ký, đóng dấu của người ĐDPL của 2 bên; *kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật*

** Đơn vị thành viên phải có văn bản xác nhận của công ty mẹ (ủng hộ, tài trợ qua công ty mẹ là đầu mối)*

I- Thuế TNDN: Chi phí

2. Chi phí thuế GTGT khi tài trợ hiện vật, khuyến mại, quảng cáo, biếu tặng

*Nghị định
218/2013*

Pháp luật về thuế TNDN không có quy định tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền thuế GTGT không thu được tiền trên hóa đơn tài trợ bằng hiện vật.

I- Thuế TNDN: Chi phí

*Nghị định
218/2013*

*** Chi phí thuế khi nộp thay khách hàng nhận quà tặng khuyến mại, chiết khấu thương mại**

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty 4 Oranges Co., LTD chi trả các khoản quà tặng khuyến mại, chiết khấu thương mại,... cho cá nhân và nộp thuế thay cho cá nhân thì Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản thuế nộp thay cho cá nhân.

I- Thuế TNDN: Chi phí

d) Một DN bảo lãnh hoặc cho DN khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào, nếu khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của CSH và chiếm trên 50% tổng giá trị khoản nợ trung, dài hạn của DN đi vay

3. Quan hệ/ GDLK (132/2020)

Trường hợp trong kỳ DN không có khoản nợ trung và dài hạn theo tiêu chí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (*điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2027/NĐ-CP*) thì không thuộc trường hợp áp dụng tại điểm này

(2385-2384-915/TCT - 2022)

I- Thuế TNDN: Chi phí

**QHLK
với
tổ chức
tín dụng**

3. Quan hệ/ GDLK **(132/2020)**

Theo đó, trường hợp doanh nghiệp (bao gồm cả tổ chức tín dụng là ngân hàng) bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào với mức vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay thì được xác định là các bên có quan hệ liên kết. Khi đó, các giao dịch phát sinh giữa các bên liên kết là giao dịch liên kết và thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, tổng chi phí lãi vay được trừ của doanh nghiệp khi xác định thu nhập chịu thuế áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

(1847/TCT - 2022)

I- Thuế TNDN: Chi phí

i) Các DN chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào DN đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành DN

3. Quan hệ/ GDLK (132/2020)

Khoản 24 Điều 4 Luật DN 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020: “**Người quản lý doanh nghiệp là ... cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.”**

- h. “Người điều hành” của Công Ty bao gồm Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.
- i. “Người quản lý” là người quản lý Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và các nhân sự giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.

I- Thuế TNDN: Chi phí

Chi phí
lãi vay -
DN có
GDLK

3. Quan hệ/ GDLK: Chi phí

- *Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi tính thuế TNDN không vượt quá 30% của Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trong kỳ cộng Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ*
- *Phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức “30%” nêu trên*

Thời gian chuyển: tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lãi vay không được trừ

I- Thuế TNDN: Chi phí

**Chi phí
lãi vay -
DN có
GDLK**

3. Quan hệ/ GDLK: Chi phí

Chi phí lãi vay gồm cả vay bên độc lập

Bộ Tài chính xin trả lời:

Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đã đưa ra quy định không chế chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp có quan hệ liên kết (không phân biệt vay của bên liên kết hay của bên độc lập).

Nguyên tắc này được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, theo khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Nhóm 20 nền kinh tế lớn (G20) tại Hành động chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận (BEPS action 4), nhằm mục tiêu ngăn chặn và giảm thiểu việc sắp xếp giao dịch vay về hình thức là các khoản vay độc lập, nhưng về bản chất là các khoản vay liên kết.

Nguyên tắc này được quy định xuyên suốt từ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP với mức không chế tổng chi phí lãi vay là 20%. Nghị định số 68/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP đã nâng mức này từ 20% lên 30% và quy định cụ thể hơn về tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay). Nghị định số 132/2020/NĐ-CP tiếp tục kế thừa quy định này từ Nghị định số 68/2020/NĐ-CP.

(8690/BTC - 2022)

I- Thuế TNDN: Chi phí

**Chi phí
lãi vay -
DN có
GDLK**

3. Quan hệ/ GDLK: **Chi phí**

Chi phí lãi vay trong giai đoạn đầu tư

Căn cứ quy định nêu trên, chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn đầu tư được vốn hóa theo quy định pháp luật thì không thuộc trường hợp áp dụng quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ.

I- Thuế TNDN: Chi phí

**Chi phí
lãi vay -
DN có
GDLK**

3. Quan hệ/ GDLK: **Chi phí**

Chi phí lãi cho thuê tài chính

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp hai doanh nghiệp có hoạt động thuê, cho thuê tài chính thỏa mãn quy định tại khoản 2, Điều 1 và điểm d, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì được xác định là các bên có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết. Theo đó, tổng chi phí lãi vay được trừ của doanh nghiệp khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm lãi phải trả của hoạt động đi thuê tài chính) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ.

I- Thuế TNDN: Chi phí

TSCĐ
chưa có
đầy đủ
hóa đơn
công
trình

4. Chi phí khấu hao TSCĐ:

Công trình trên đất như trụ sở văn phòng, nhà xưởng, cửa hàng phục vụ SXKD của DN thì được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo đúng mức trích khấu hao và thời gian sử dụng tài sản cố định quy định hiện hành ... nếu đáp ứng điều kiện: *“Hóa đơn thanh toán khối lượng công trình xây dựng bàn giao kèm theo hợp đồng xây dựng công trình, thanh lý hợp đồng, quyết toán giá trị công trình xây dựng mang tên, địa chỉ và mã số thuế của doanh nghiệp”*.

I- Thuế TNDN: Chi phí

**Xe NK
quà biếu,
tặng
(không
mục đích
thương
mại)**

4. Chi phí khấu hao TSCĐ:

- NK xe ô tô không nhằm mục đích TM thì tài sản này không tham gia hoạt động SXKD.

=> *Không trừ chi phí tính thuế TNDN khấu hao TSCĐ xe ô tô NK không nhằm mục đích TM*

- **Trường hợp NK xe về bán ngay:** Giá bán xe hạch toán vào thu nhập khác để tính thuế TNDN. Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là chi phí thuế và phí đã nộp ở khâu NK **bao gồm cả thuế GTGT**

- **Trường hợp NK xe về sử dụng, sau đó bán ra:** Khi NK xe hạch toán vào thu nhập khác để tính thuế TNDN. Khi tính thuế TNDN tại khâu bán ra được trừ thu nhập khác đã hạch toán

I- Thuế TNDN: Chi phí

Nghị định
218/2013,
Thông tư
78/2014,
96/2015

5. Chi phí trích trước **được trừ chi phí:**

(i) Sửa chữa lớn TSCĐ có tính chu kỳ: *trích trước theo dự toán vào chi phí hàng năm; nếu số thực chi > số trích theo dự toán thì tính thêm vào chi phí được trừ số chênh lệch này*

(ii) Hoạt động đã hạch toán doanh thu nhưng còn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng (kể cả CTTS, hoạt động KD DV đã hạch toán toàn bộ số tiền thu trước nhiều năm)

Trích trước chi phí theo quy định vào chi phí được trừ tương ứng với doanh thu; khi kết thúc hợp đồng, xác định chính xác chi phí thực tế so với trích trước để điều chỉnh tăng/ giảm chi phí vào kỳ tính thuế kết thúc hợp đồng

I- Thuế TNDN: Chi phí

6. Chi phí tiền lương ngày phép chưa nghỉ

- Tại Điều 113 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội quy định về nghỉ hằng năm:

"Điều 113. Nghỉ hằng năm

...

3. Trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.

4. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định lịch nghỉ hằng năm sau khi tham khảo ý kiến của người lao động và phải thông báo trước cho người lao động biết. Người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nghỉ hằng năm thành nhiều lần hoặc nghỉ gộp tối đa 03 năm một lần.

Căn cứ các quy định trên, nếu Công ty TNHH DK International phát sinh khoản chi thanh toán những ngày phép chưa nghỉ cho người lao động đáp ứng quy định tại Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; quy định tại Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính) thì được tính vào chi được trừ khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp còn vướng mắc về quy định nghỉ hằng năm, đề nghị Cục Thuế liên hệ với Sở Lao động Thương binh và xã hội địa phương để được hướng dẫn cụ thể.

(468/TCT - 2022)

I- Thuế TNDN: Chi phí

7. Chi phí (làm thêm giờ; GPLĐ; khuyến mại) vi phạm pháp luật chuyên ngành

Trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi về làm thêm giờ cho người lao động, chi trả tiền lương, tiền công, bảo hiểm cho người lao động nước ngoài hoặc chi khuyến mại nếu đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan thì sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

I- Thuế TNDN: Chi phí

**Thông tư
67/2022
(kỳ thuế
2022)**

8. Quỹ phát triển KH&CN của DN

Hàng năm, DN được trích theo tỷ lệ phần trăm (%) tính trên thu nhập tính thuế TNDN từng kỳ tính thuế để tạo nguồn Quỹ phát triển KH&CN của DN (*DN được trừ vào thu nhập tính thuế TNDN khi xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế*):

- *Đối với DNNN: trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế TNDN.*
- *Đối với các DN không là DNNN: Tự quyết định mức trích cụ thể, nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế TNDN*

* Nội dung được phép chi theo quy định pháp luật (NĐ 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014; TT 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022)

I- Thuế TNDN: Chi phí

8. Quỹ phát triển KHCN của DN

**Thông tư
67/2022
(kỳ thuế
2022)**

20

Nội dung Thông tư số 67/2022/TT-BTC gồm 8 Điều, trong đó thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid -19, tại điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC đã hướng dẫn cụ thể doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trong 02 năm (năm 2022 và năm 2023) để mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Thông tư số 67/2022/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/12/2022 và áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.

(739/BTC-2023)

I- Thuế TNDN: Chi phí

Nghị định
08/2022
hiệu lực từ
10/01/2022

9. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường

Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc danh mục loại hình SX, KD, DV có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường.

Trước đây: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định “... có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường-**hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật**”

I- Thuế TNDN: Chi phí

Nghị định
08/2022
hiệu lực từ
10/01/2022

9. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường

*** Thông tư 08/2023/TT-BTC** (hiệu lực từ ngày 24/3/2023) **bãi bỏ Thông tư 86/2016:**

Số dư Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được hạch toán vào thu nhập khác của năm tài chính hiện hành.

II- Khai quyết toán thuế TNDN

- Luật
QLT
- Nghị
định
91/2022

1. Thời hạn nộp hồ sơ QTT năm

Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (**năm 2022 là ngày 31/3/2023**) hoặc năm tài chính

2. Tạm nộp thuế TNDN năm 2022

Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

Trường hợp thấp hơn “80%” thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu.

II- Khai quyết toán thuế TNDN

3. Mẫu biểu: HTKK (TT80/2021)

Tờ khai 03/TNDN: lưu ý

- *Chỉ tiêu G: không kê khai thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh*
- *Chỉ tiêu G1: kê khai thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang*
- *Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.*

Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2023

III- Giảm thuế GTGT, Chính sách khác

Giảm thuế GTGT

1. Nghị định 15/2022 ngày 28/01/2022

Kể từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, giảm thuế GTGT **(10% còn 8%; giảm 20% mức tỷ lệ % tính thuế GTGT)** đối với HH, DV đang áp dụng mức thuế suất 10%; **trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:**

- **Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, KD BĐS, kim loại và SP từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, SP hóa chất.** Chi tiết tại Phụ lục I Nghị định này.

- **SP HH, DV chịu thuế TTĐB.** Chi tiết tại Phụ lục II Nghị định này.

- **CNTT theo pháp luật về CNTT.** Chi tiết tại Phụ lục III Nghị định này.

III- Giảm thuế GTGT, Chính sách khác

*Nghị định
15/2022*

Thời điểm lập hóa đơn: lưu ý

*** Không giảm thuế GTGT**

- HH-DV tiêu thụ trong tháng 01/2022, lập hóa đơn từ ngày 01/02/2022

- HH-DV tiêu thụ trong tháng 12/2022, lập hóa đơn sau ngày 31/12/2022

- HH-DV có thời điểm lập hóa đơn đặc thù (khoản 4 Điều 9 NĐ số 123/2020/NĐ-CP), lập hóa đơn sau ngày 31/12/2022

*** Hóa đơn điều chỉnh (tiền hàng, thuế GTGT), trả lại hàng**

26

(2688/BTC - 2022; 3522/TCT - 2022)

III- Giảm thuế GTGT, Chính sách khác

Chính
sách hỗ
trợ khác

2. QĐ 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023

- Giảm 30% *tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, DN, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp .. dưới hình thức **thuê trả tiền hằng năm** bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19*
- Không giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước nếu nộp hồ sơ sau ngày 31/3/2023
- *Nơi nộp hồ sơ: CQT, BQL Khu kinh tế, BQL Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật*

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

